

Bản án số: 07/2025/HNGĐ – ST

Ngày: 19/02/2025

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Trí Lý.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Hằng và ông Phan Xuân Thắng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện EaKar.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:*

Ông Cao Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 19/02/2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 370/2024/TLST - HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2024; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 21/01/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phan Thị N, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn 13, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông Trần Vĩnh L, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn 13, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Phan Thị Nhân trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Trần Vĩnh L sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 07/5/2013. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau.

Ông L không chăm lo cho gia đình, con cái. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà N đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Trần Vĩnh L.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung là Trần Thị D, sinh ngày 30/8/2013 và Trần Vĩnh D, sinh ngày 14/01/2018. Sau ly hôn bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Vĩnh L tham gia tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định, nhưng ông L vắng mặt không có lý do. Vì vậy, vụ án không thể mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar tiến hành mở phiên tòa nhưng ông Trần Vĩnh L vắng mặt lần thứ nhất không lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Vĩnh L vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Trần Vĩnh L.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N. Cho bà Phan Thị N được ly hôn với ông Trần Vĩnh L.

- Về con chung: Giao con chung cháu Trần Thị D, sinh ngày 30/8/2013 và Trần Vĩnh D, sinh ngày 14/01/2018 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết việc hôn nhân, con chung đối với ông Trần Vĩnh L, đơn khởi kiện của bà N được Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”, được quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị N và ông Trần Vĩnh L tự nguyện về sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 07/5/2013, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cự cãi, xúc phạm lẫn nhau, tình trạng mâu thuẫn đã kéo dài, không thể hòa hợp để tiếp tục sống chung. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N, cho bà Phan Thị N được ly hôn với ông Trần Vĩnh Lợi.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà N và ông L có hai con chung là Trần Thị D, sinh ngày 30/8/2013 và Trần Vĩnh D, sinh ngày 14/01/2018.

Xét, hiện hai con chung đang được bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, học tập bình thường, đồng thời các cháu D, D đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ là bà Phan Thị N. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường về tâm, sinh lý, cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Trần Thị D và Trần Vĩnh D cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà N không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Phan Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83, và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị N được ly hôn với ông Trần Vĩnh L.

[2]. Về con chung: Giao con chung cháu Trần Thị D, sinh ngày 30/8/2013 và Trần Vĩnh D, sinh ngày 14/01/2018 cho bà Phan Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Ông Trần Vĩnh L được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông L không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Phan Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2023/0000656, ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã P, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Trí Lý